

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

Tên chương trình : **Chương trình đào tạo Kỹ thuật hình ảnh y học**
Trình độ đào tạo : **Đại học hệ chính quy**
Ngành đào tạo : **Kỹ thuật hình ảnh y học**
Mã số : **7720602**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh Y học nhằm đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh y học có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động xét nghiệm y học tại các cơ sở y tế và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực y tế.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Kiến thức toàn khóa học: **139** tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), được phân bổ như sau:

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Kiến thức giáo dục đại cương	25
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	114
- Kiến thức cơ sở ngành	44
- Kiến thức ngành và chuyên ngành	56
- Thực tập, khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp	14
Tổng	139

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

TT	Tên môn học/ học phần	Tín chỉ		
		TC	LT	TH
1	Triết học	3	3	
2	Kinh tế chính trị	2	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
6	Tin học căn bản	3	2	1
7	Anh văn căn bản	6	6	
8	Anh văn chuyên ngành	3	3	
9	Pháp luật đại cương	2	2	
10*	Giáo dục thể chất*	3*		
11*	Giáo dục quốc phòng – an ninh*	8*		
Tổng cộng		25	24	1

(*) Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy

4.2. Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

4.2.1 Kiến thức cơ sở khối ngành khoa học sức khỏe

TT	Tên môn học/ học phần	Tín chỉ		
		TC	LT	TH
1	Xác suất – Thống kê y học	2	2	
2	Hóa học đại cương	3	2	1
3	Hóa sinh	3	2	1
4	Vật lý đại cương	3	2	1
5	Vật lý - Lý sinh	3	2	1
6	Sinh học và di truyền	3	2	1
7	Dược lý	2	2	
8	Dịch tễ học	2	2	
9	Môi trường và sức khỏe	2	2	
10	Tổ chức và quản lý y tế	2	2	
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	2	2	
Tổng cộng		27	22	5

4.2.2 Kiến thức cơ sở ngành

TT	Tên môn học/ học phần	Tín chỉ		
		TC	LT	TH
1	Giải phẫu	3	2	1
2	Sinh lý	3	2	1
3	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	2	
4	Mô phôi học	3	2	1
5	Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu	2	1	1
6	Bệnh học Nội khoa	2	2	
7	Bệnh học Ngoại khoa	2	2	
Tổng cộng		17	13	4

4.2.3 Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành)

TT	Tên môn học/ học phần	Tín chỉ		
		TC	LT	TH
1	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	3	2	1
2	Ghi nhận và lưu giữ hình ảnh	3	2	1
3	An toàn bức xạ	2	2	
4	Kỹ thuật chụp X-quang cơ bản	5	3	2
5	Kỹ thuật chụp X-quang nâng cao	3	2	1
7	Giải phẫu hình ảnh X-quang	3	2	1
8	Triệu chứng học hình ảnh	3	2	1
9	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính cơ bản	4	2	2
10	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính nâng cao	3	2	1
11	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp vi tính	3	2	1
12	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cơ bản	3	2	1
13	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ nâng cao	3	2	1
14	Kỹ thuật siêu âm	2	1	1
15	Bảo trì thiết bị hình ảnh y học	2	2	
16	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	2	2	
17	Thực tập BV 1: X – Quang bệnh viện	4		4
18	Thực tập BV 2: Cắt lớp vi tính	4		4
19	Thực tập BV 3: Cộng hưởng từ MRI	4		4
Tổng Cộng		56	29	27

4.2.4 Thực tập tốt nghiệp và Khoá luận tốt nghiệp (Hoặc môn thay thế khoá luận)

TT	Tên môn học/ học phần	Tín chỉ		
		TC	LT	TH
1	Thực tập tốt nghiệp (HAYH)	8		8
2	Khóa luận tốt nghiệp (HAYH)	6		
Môn thay thế Khoá luận tốt nghiệp				
2.1	Y học hạt nhân và xạ trị	3	2	1
2.2	Can thiệp mạch máu	3	2	1
Tổng Cộng		14	6	10

Hiệu trưởng

Khoa Y